

5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 6 năm 2022	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	Tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	4.656,49	4.825,46	29.801,61	189,43	113,90
Lương thực, thực phẩm	2.698,77	2.774,88	17.947,07	164,09	125,42
Hàng may mặc	270,12	278,26	1.646,63	323,38	111,19
Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	492,90	510,54	3.026,52	230,89	92,98
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	50,56	52,35	292,25	527,19	124,82
Gỗ và vật liệu xây dựng	334,14	356,57	2.039,25	184,65	95,66
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	15,50	16,69	82,85	274,96	96,90
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	90,65	93,86	554,64	217,54	78,71
Xăng, dầu các loại	312,52	336,71	1.775,56	258,19	121,97
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	101,25	105,32	659,37	253,23	111,45
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	91,59	95,37	581,42	251,98	90,38
Hàng hóa khác	130,46	135,47	788,49	249,59	95,91
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	68,02	69,43	407,54	211,80	90,16